

Name: \_\_\_\_\_

Date: ... / ... /20...

Class: S3

Tel: 034.200.9294

### GLOBAL ENGLISH 3

#### Unit 1: Working together – Vocabulary 1 & Movers speaking

- ❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

#### A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning
1	<b>jump</b> (v)	nhảy
2	<b>left</b> (adj, adv)	bên trái, sang trái
3	<b>right</b> (adj, adv)	bên phải, sang phải
4	<b>slowly</b> (adv)	một cách chậm rãi
5	<b>quickly</b> (adv)	một cách nhanh chóng
6	<b>twist</b> (v)	xoay, vặn
7	<b>turn</b> (v)	rẽ đổi hướng
8	<b>move up and down</b> (v phr)	di chuyển lên và xuống
9	<b>tap your left foot</b> (v phr)	gõ/vỗ nhẹ vào bàn chân trái
10	<b>put your feet together</b> (v phr)	chụm chân lại
11	<b>learn a dance</b> (v phr)	học một điệu nhảy
12	<b>write a poem</b> (v phr)	viết một bài thơ
13	<b>dragon dance</b> (n phr)	múa lân sư rồng

**Chú thích:** v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ; adj = adjective: tính từ;  
v phr = verb phrase: cụm động từ; n phr = noun phrase: cụm danh từ.

#### B. HOMEWORK

##### Exercise 1: Circle the correct answer

0. Look! That man is going to **(jump / swim)** from the cliff.

1. During the Mid-Autumn Festival (Tết Trung thu), many children love watching the **(dragon dance / freestyle dance)**.







2. You should buy new shoes when you start **(writing a poem / learning a dance)**.

3. An elevator moves **(up and down / left and right)**.

4. The nurse went **(quickly / slowly)** into the emergency room (phòng cấp cứu).

5. Vietnamese people often drive on the **(left / right)** side of the road.

**Exercise 2: Look at the pictures and fill in the blank**

0.		The man is smoking and walking <u>slowly</u> .
1.		The woman is running _____.
2.		You can turn _____ when you see this sign ( <i>biển báo</i> ).
3.		You can only turn _____ when you see this sign.
4.		The children are performing ( <i>biểu diễn</i> ) the _____.
5.		They move _____ when they play seesaw ( <i>bập bênh</i> ).

**Exercise 3: Re-order the following sentences**

0. dragon / Children / watching / love / dance.

→ *Children love watching dragon dance.* \_\_\_\_\_

1. slowly. / A turtle / very / moves

→ \_\_\_\_\_

2. moving / The plane / is / up and down.

→ \_\_\_\_\_

3. to / It is / very interesting / a dance. / learn

→ \_\_\_\_\_

4. together. / put / Let's / our feet

→ \_\_\_\_\_

**Exercise 4: Fill in the blank with a word / phrase from the box**

twist <del>turn</del> slowly   quickly   write a poem   learn a dance
---

0. Look! I see your school over there. Go straight and turn left.

1. Car drivers should go \_\_\_\_\_ to avoid accidents (*tai nạn*).

2. The family had to walk home \_\_\_\_\_ because it was cold and windy at night.

3. I could \_\_\_\_\_ from my sister, but I decided to join a dancing club.

4. My Literature (*văn học*) teacher can \_\_\_\_\_ only in 15 minutes.

5. He had a pain in his neck, so he could not \_\_\_\_\_ it.

**Exercise 5: Match the questions with their best answers**

0. What does a poet do?

A. We should walk slowly.

1. What is the first step to stand like a soldier?

B. He twisted his hip ( *hông*) too many times.

2. What should people do when someone has a heart attack?

C. He writes poems.

3. How do I get to the police station?

D. Call an ambulance (*xe cứu thương*) quickly.

4. Why did he get injured (*chấn thương*)?

E. Put your feet together.

5. How should we walk to enjoy the view?

F. Turn right at the next corner.

0. C	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----



Part 4 – Test 1 – Movers 6  
Con làm bài nghe theo link sau:

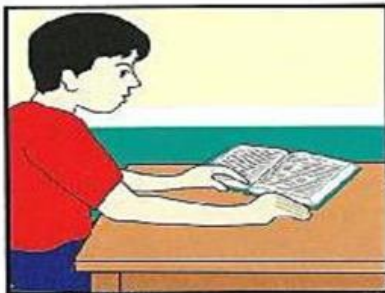
[https://drive.google.com/file/d/1\\_Ihn6RHUISVvmEaSFfSnrB9013p5rmIa/view?usp=drive\\_li](https://drive.google.com/file/d/1_Ihn6RHUISVvmEaSFfSnrB9013p5rmIa/view?usp=drive_li)  
nk

Link dự phòng: <https://www.youtube.com/watch?v=AQU5KCcVNwg>

**Part 4**  
– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

What did Sam do at school today?



A ☐



B ☒



C ☐

1 What's the matter with Daisy?



A ☐

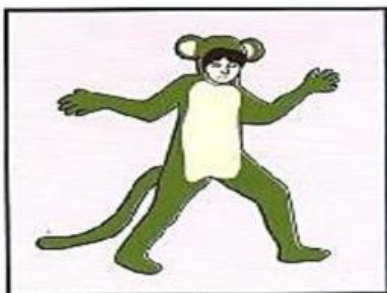


B ☐



C ☐

2 Which child is Ben?



A ☐

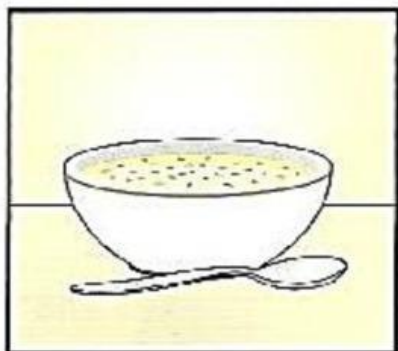


B ☐

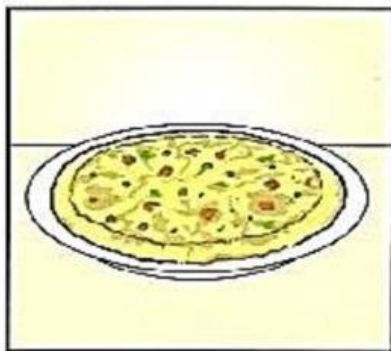


C ☐

3 What does John want for lunch?



A ☐



B ☐



C ☐

4 What can Jane and Jim do?



A ☐

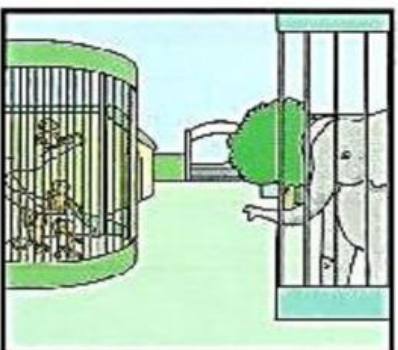


B ☐



C ☐

5 What did Nick do at the weekend?



A ☐



B ☐



C ☐



Part 5 – Test 1 – Movers 4

Con làm bài nghe theo link sau:

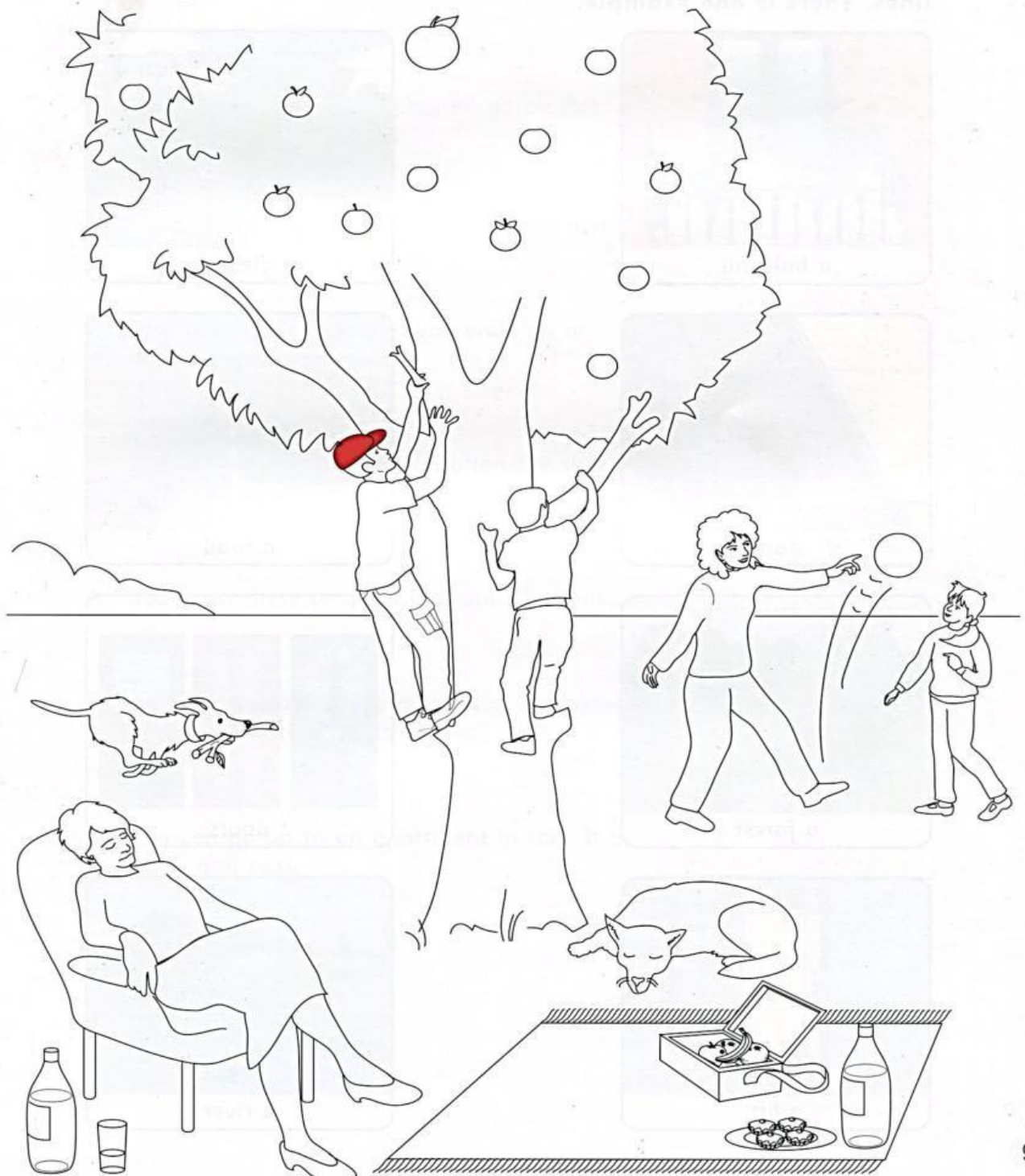
[https://drive.google.com/file/d/1gr1MT1nnB\\_RytCkyt39tcIXoLcXQfqsZ/view?usp=drive\\_link](https://drive.google.com/file/d/1gr1MT1nnB_RytCkyt39tcIXoLcXQfqsZ/view?usp=drive_link)

Link dự phòng: <https://www.youtube.com/watch?v=j4CKmaAm5VE>

## Part 5

– 5 questions –

Listen and colour and draw. There is one example.



**Exercise 1: Circle the correct answer**

0. A cricket is a small brown \_\_\_\_\_.

(A) insect

B. animal

C. spider

1. This dog is \_\_\_\_\_ pet. I love it so much.

A. mine

B. yours

C. my

2. What's wrong with Mark? Is he hurt? - A bee bit \_\_\_\_\_ right arm!

A. her

B. his

C. your

3. My mother is 40 years old. What about \_\_\_\_\_? - She is 30 years old.

A. yours

B. mine

C. his

4. She is beautiful. What is \_\_\_\_\_ name?

A. your

B. her

C. my

5. Where is Alex? \_\_\_\_\_ phone is ringing!

A. His

B. Her

C. your

**Exercise 2: Unscramble the letters and match words with pictures**

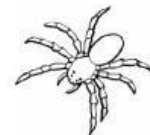
0. EBE → BEE

A.



1. ERSPDI → S \_\_\_\_\_

B.



2. ROWM → W \_\_\_\_\_

C.



3. CIRCETK → C \_\_\_\_\_

D.



4. TTERFLYBU → B \_\_\_\_\_

E.



5. TAN → A \_\_\_\_\_

F.



0. F	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----

\*Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 2 dòng.